**Môn Ngữ Văn: Khối 7**

**Tiết 85:** **LUYỆN TẬP VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Lập luận trong đời sống:**

*1.Xác định luân cứ, lập luận và mối quan hệ của chúng.*

a. Hôm nay trời mưa, chúng ta không đi chơi nữa

Luận cứ     Kết luận

b. Em rất thích đọc sách, vì qua sách em học được nhiều điều.

Kết luận     Luận cứ

c.Trời nóng quá, đi ăn kem đi

Luận cứ     Kết luận

- Luận cứ và kết luận ,chúng có mối quan hệ nguyên nhân kết quả

- Có thể thay đổi được vị trí của luận cứ và kết luận.

2.*Bổ sung luận cứ cho các kết luận*

a.Em rất yêu trường em, vì ở đó có các bạn mà em yêu quý.

b. Nói dối rất có hại, vì nói biến con người ta trở thành không trung thực.

c.Tôi rất mệt rồi, nghỉ một lát nghe nhạc thôi

d.Ở nhà, trẻ em cần biết nghe lời cha mẹ.

e. Những ngày nghỉ, em rất thích đi tham quan

*3.Viết tiếp kết luận cho các luận cứ:*

a. …Mệt quá…. đi chơi đi

b. …Nhiều môn quá…chẳng biết học môn nào trước.

c…Các bạn hay nóI bậy nên……ai cũng khó chịu

d…Làm anh làm chị…... Thì phải gương mẫu chứ.

e. …Các bạn quá ham chơi….. nên chẳng chú ý đến việc học.

**II. Lập luận trong văn nghị luận:**

- So sánh:

1. Giống nhau: đều là những kết luận

2. Khác nhau:

a, Về hình thức:

- Lập luận trong đời sống hàng ngày thường được diễn đạt bằng một câu.

- Lập luận trong văn nghị luận thường được diễn đạt bằng một tập hợp câu.

b, Về nội dung ý nghĩa:

- Trong đời sống, lập luận thường mang cảm tính, tính hàm ẩn, không tường minh.

- Lập luận trong văn nghị luận đòi hỏi có tính lý luận, chặt chẽ, khái quát, và tường minh.

Là cơ sở để triển khai luận cứ

- Là kết luận của lập luận.

**III.Luyện tâp:**

**1.Bài tập**

\*Dàn bài gợi ý:

a.Mở bài:

- Nhu cầu ý 2 của việc đọc sách trong đời sống con người

- Vai trò to lớn của sách: là người bạn lớn của con người.

b.Thân bài:

- Giới thiệu vì sao sách là người bạn lớn.

+ Con người ta sống không thể thiếu bạn sách cũng được coi là một người bạn thậm chí là người bạn lớn của con người.

Tại sao lại như vậy?

+ Bố mẹ, thầy cô giáo vẫn được gọi là người bạn lớn (vì sao?)

+ Sách cũng là người bạn lớn như bố mẹ, thầy cô là bởi sự gần gũi và ích lợi của sách.

- Chứng minh sách là người bạn lớn của con người.

+ Sách mở rộng hiểu biết cho con người

=> hiểu biết về lịch sử, địa lí…

=> Hiểu biết về khoa học…

+ Sách bồi dưỡng tình cảm cho người đọc

=> Lòng nhân ái biết yêu thương con người.

=> ý thức trách nhiệm với người thân, đất nước.. (chứng mình bằng một số tác phẩm văn học trong chương trình)

c.Kết bài:

- Sách là báu vật, là người bạn lớn không thể thiếu phải biết trân trọng, yêu quý, nâng niu sách phải biết chọn sách mà đọc cũng như chọn bạn mà chơi.

**Tiết 86: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

**I. Đặc điểm của trạng ngữ**

1. **Ví dụ**

* (*Trạng ngữ là thành phần phụ của câu bổ sung ý nghĩa cho câu*

*Dùng trả lời các câu hỏi: ở đâu, khi nào, vì sao, để làm gì, bằng gì, như thế nào, với điều kiện gì.*....…)

\*

* + Dưới bóng tre xanh đó từ lâu đời: Bổ sung thông tin về địa điểm, thời gian
  + đời đời, kiếp kiếp: Bổ sung thông tin về thời gian
  + Từ nghìn đời nay: Bổ sung thêm thông tin về thời gian

=> Bổ sung thêm thông tin về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu

1. **Ghi nhớ:** Sgk/ 39

**II. Luyện tập**

Bài 1.

1. Mùa xuân ( 1, 2, 3): Chủ ngữ Mùa xuân ( 4): Vị ngữ
2. Mùa xuân: trạng ngữ
3. Mùa xuân: Phụ ngữ trong cụm động từ
4. Mùa xuân: Câu đặc biệt Bài 2: Trạng ngữ:

a. Như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết

* Khi đi qua những cánh đồng xanh mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi
* Trong cái vỏ xanh kia
* Dưới ánh nắng

b. Với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói

trên đây

# Tiết 87:

# 

# TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH+ CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

1. **Mục đích và phương pháp chứng minh**

**1.   Nhu cầu chứng minh trong đời sống:**

 Khi cần chứng minh cho ai đó tin rằng điều ta nói hay viết ra là chính xác, ta phải nêu ra bằng chứng, chứng cứ. Thí dụ muốn chứng minh ta bị bệnh thì đưa ra giấy khám bệnh, muốn chứng minh ta học giỏi thì đưa học bạ hay bài kiểm tra được điểm cao…

**2.   Tìm hiểu lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận:**

Trong văn bản nghị luận, chứng minh là cách sử dụng lí lẽ, vận dụng lí lẽ nhằm khẳng định một luận điểm nào đó là đúng sự thật

**\*  Bài văn nghị luận “Đừng sợ vấp ngã”(SGK/41, 42)**

**a)   Luận điểm cơ bản:**

Luận điểm cơ bản nằm trong nhan đề của bài: Đừng sợ vấp ngã, được nhắc lại trong câu áp chót: chớ lo sợ thất bại.

**b)  Lập luận chứng minh;**

Nêu luận điểm chứng minh “đừng sợ vấp ngã”.

* Nêu một số ví dụ về việc vấp ngã trong đời sống hằng ngày.
* Nêu năm danh nhân thế giới đã từng vấp ngã nhưng vấp ngã không cản trở việc họ thành đạt vẻ vang về sau.
* Kết luận: điều đáng sợ hơn là không cố gắng hết mình.

Các sự thật được diễn ra:

* Về kinh nghiệm bản thân: ai cũng có thể có.
* Về năm tấm gương của danh nhân: hoàn toàn là sự thật ai cũng công nhận.

Qua đó, chứng minh là một phép lập luận dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm cần được chứng minh là đáng tin cậy.   .

Tham khảo bài trích đoạn sau của nhà nghiên cứu Nguyễn Hiến Lê:

**II.  LUYỆN TẬP**

Tìm hiểu kết cấu của bài văn “Không sợ sai lầm” (Ngữ văn 7 tập II sgk/43)

**a)   Luận điểm**

–     Luận điểm nằm trong nhan đề của bài “Không sợ sai lầm” được khẳng định trong câu văn cuối: Không sợ sai lầm, mới là người là chủ số phận của mình.

–     Luận điểm này được trình bày trong một số câu văn trong bài:

* Một người mà lúc nào cũng sợ thất bại, làm gì cũng sợ sai lầm là một người sợ hãi thực tế, trốn tránh thực tế, và suốt đời không bao giờ có thể tự lập được.
* Nếu bạn không chịu mất gì thì sẽ không được gì.
* Sai lầm cũng có hai mặt. Tuy nó đem lại tổn thất; nhưng nó đem đến bài học cho đời.
* Nếu bạn sợ sai lầm thì bạn chẳng dám làm gì.
* Những người sáng suốt dám làm, không sợ sai lầm, mới là người làm chủ số phận của mình.

**b)  Luận cứ**

–     Lí lẽ, phân tích:

* Sợ thất bại, trôn tránh thực tế: không bao giờ có thể tự lập được.
* Sai lầm có hai mặt: tổn thất là bài học kinh nghiệm.
* Tiếp tục tiến vào tương lai và hành động, dù có gặp thất bại vì thất bại là mẹ của thành công.
* Phải biết suy nghĩ, rút kinh nghiệm.

–     Dẫn chứng:

* Tập bơi lội.
* Học ngoại ngữ.

Những luận cứ trên hiển nhiên có sức thuyết phục.

**c) Cách lập luận chứng minh**

Cách lập luận chứng minh của bài Không sợ sai lầm có khác bài Đừng sợ vấp ngã. Tác giả Hồng Diễm thường dùng lí lẽ, phân tích lí lẽ để chứng minh thay vì dùng những ví dụ để chứng minh.

**CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**I. Các bước làm bài văn lập luận chứng minh**

**1.Xét ví dụ**

*Đề bài****:*** *Nhân dân ta thường nói:" Có chí thì nên". Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó*

***a. Tìm hiểu đề và tìm ý***

\* Tìm hiểu đề

* Vấn đề: "Có chí thì nên" – cú ý chí quyết tâm thì sẽ thành công
* Đối tượng: con người
* Phạm vi: Mọi lĩnh vực trong cuộc sống
* Tính chất khẳng định
* Người viết phải dùng lí lẽ và dẫn chứng chứng minh nội dung của câu tục ngữ là đúng đắn

\* Tìm ý

* Chí: là hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì
* Nên: là kết quả, là thành công

=> Một người có hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì sẽ thành công

* Việc đơn giản cũng cần có " Chí"

VD: Chơi thể thao, học ngoại ngữ.... mà không có ý chí quyết tâm thì sẽ không làm được hoặc làm được nhưng với kết quả không tốt

* Việc khó khăn gian khổ lại càng cần phải có " Chí"

## Lập dàn bài

* Mở bài: Dẫn dắt -> nêu câu tục ngữ -> khái quát nội dung của câu
* TB:

+ Giải thích câu tục ngữ

+ Mọi việc từ dễ -> khó muốn thành công đều cần phải có chí ( lấy VD chứng minh)

+ Thực tế đó có biết bao tấm gương nhờ có chí mà thành công

* Kết bài: Sức mạnh tinh thần của con người có lí tưởng.
* Ghi nhớ sgk/49

## Viết bài

* Mở bài
* Cách 1: Đi thẳng vào vấn đề

- Cách 2: Suy từ cái chung đến cái riêng

- Cách 3: Suy từ tâm lí con người.

=> Các cách mở bài phù hợp với yêu cầu của bài.

* Thân bài:
* Có từ ngữ chuyển đoạn, tiếp nối phần mở bài: Thật vậy, đúng như vậy

Có những từ ngữ liên kết hoặc những câu chuyển: Một là, hai là.... trước hết, mặt khác, bên cạnh đó, ngoài ra, trái lạingược lại, mặc dù vậy

* Nêu lí lẽ trước rồi phân tích sau hoặc ngược lại
* Nêu câu khái quát -> các dẫn chứng (hoặc ngược lại)

Dẫn chứng nêu theo trình tự thời gian, (trước <-> sau, quá khứ <-> hiện tại, các mốc thời gian cụ thể) không gian (Nam

<-> bắc, miền núi <–> miền xuôi, trong nước <–> trên thế giới); theo trình tự đối tượng hoàn cảnh, lĩnh vực (thanh niên – phụ nữ - thiếu nhi; sản xuất – chiến đấu...)

* Các dẫn chứng tiêu biểu là những người nổi tiếng, vì ai cũng biết họ nên dễ có sức thuyết phục

\* Kết bài

* Có thể sử dụng những từ ngữ chuyển đoạn: tóm lại, nói tóm lại hoặc nhắc lại ý trong phần mở bài
* Kết bài hô ứng với mở bài
* Kết bài nhắc lại được luận điểm cần chứng minh.

***d. Đọc lại và sửa chữa***

2.Ghi nhớ: SGK/50

**II. Luyện tập**

- HS làm đề 1 và 2 sgk/51